

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 212/2019/HS-ST

Ngày 12 - 11 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Chiến

Ông Huỳnh Hoàng Khởi

- Thư ký phiên tòa: Bà Tô Huyền Trang là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Ngô Kiên Định – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 192/2019/TLST-HS ngày 25 tháng 9 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 790/2019/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 10 năm 2019, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Lê M T, sinh năm: 1975 (có mặt)

Nơi cư trú: K1, p, thành phố C, tỉnh C; nghề nghiệp: Chạy xe ôm; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê T B và bà: Trần T T (chết); Vợ: Nguyễn N T; Con: 01 người; tiền án - tiền sự: Không; Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 10/6/2019 cho đến nay.

2. Họ và tên: Nguyễn T K, sinh năm: 1984 (có mặt)

Nơi ĐKKHTT: K1, p, thành phố C, tỉnh C; Chỗ ở: K1, p, thành phố C, tỉnh C; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Biết đọc, biết viết; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn V B (chết) và bà: Nguyễn Thị C H; chồng: Phan H (đã ly hôn); Con: 01 người; tiền án - tiền sự: Không; Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 18/6/2019 cho đến nay.

Đại diện theo pháp luật cho bị cáo K: Chị Trần Thị K D, sinh năm 1988. Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc p, thành phố C, tỉnh C (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo K: Luật sư Đặng M Q – Văn phòng Luật sư Đặng M H, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh C (có mặt).

Bị hại: Anh Nguyễn T Đ, sinh năm 1994 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 0, P, k, p, thành phố C, tỉnh C.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Trần T L (Tên gọi khác: T T), sinh năm 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: K, p, thành phố C, tỉnh C (hiện đang chấp hành án tại Trại giam Cái Tàu).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 03 giờ 00 phút ngày 05.02.2019, Nguyễn T Đ đi đến trước khu vực tiệm vàng T để ăn tối. Do say rượu, nên Đ ngồi xuống trước cửa tiệm vàng T để nghỉ và ngủ quên tại đây. Thời điểm này, có Trần T L và Nguyễn T K đang ở trước khu vực điện máy N nhìn thấy Đ ngủ nên K đi đến chỗ Đ ngủ lấy 01 điện thoại di động hiệu Oppo F9 của Đ bỏ vào túi áo khoác rồi ngồi trên ghế đá cạnh bên để quan sát nhằm tiếp tục lấy trộm tài sản của Đ. Lúc này, có Lê M T chạy xe honda khách biển kiểm soát 69B1 – 330.69 chạy đến đậu trên vỉa hè trước tiệm vàng T, T nhìn thấy Đ ngủ nên đi bộ đến chỗ Đ lấy cái bóp bên trong có 13.300.000 đồng và các loại giấy tờ, T lấy tiền rồi bỏ cái bóp lại khu vực Đ ngủ rồi đi ra chỗ đậu xe. K đang ngồi trên ghế đá tiếp giáp nơi Đ ngủ nhìn thấy T lấy được tiền nên đi đến chỗ T đòi chia tiền. T chia cho K 7.000.000 đồng xong K bỏ đi, còn lại 6.300.000 T giữ. Sau khi lấy được tiền, T thấy ông Lê T T có điếm vá võ xe trước N đang ngồi nhậu với người khác nên T chạy xe đến rủ ông T mua bia nhậu thì T đồng ý. T lấy xe của T chở ông T đến tiệm tạp hóa gần Bệnh Viện sản Nhi C để mua bia. T đưa cho ông T 1.000.000 đồng nói là tiền lì xì và đưa cho ông T 500.000 đồng để mua bia. Ông T vào mua một thùng bia Laure hết 210.000 đồng, tiền thừa còn lại T cất giữ, T còn lại 4.800.000 đồng. Khi mua bia xong T và T về chỗ vá xe của ông T nhậu được một lúc thì T đi về. Trong lúc T và K lấy tiền xong bỏ đi thì L từ bên kia lộ đi đến chỗ Đ nằm ngủ, thấy Đ không cử động nên L gỡ lấy cái đồng hồ đeo trên tay Đ hiệu Longines rồi bỏ đi. Còn K sau khi được chia tiền K về khu nhà thuê trọ ở cho Trần H C 50.000 đồng và Mai T D 50.000 đồng, trả tiền cả phê hết 60.000 đồng, cho mẹ ruột là bà Nguyễn Thị C H 2.000.000 đồng. Đến khoảng 06 giờ sáng cùng ngày Đ thức dậy phát hiện bị mất tài sản gồm: 01 đồng hồ hiệu Longines đeo trên tay trái; 01 bóp da cá sấu bên trong có 01 giấy CMND, 01 giấy phép lái xe, 01 thẻ ATM Viettinbank mang tên Nguyễn T Đ, 01 giấy đăng ký xe mang tên Nguyễn Thị T H và tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 13.300.000 đồng để ở túi quần sau; 01 điện thoại di động hiệu Oppo F9 để ở túi quần trước. Do còn mệt nên Đ đi về nhà ngủ tiếp đến 15 giờ 30 phút cùng ngày Đ đến công an P, thành phố C trình báo.

Tiến hành kiểm tra Camera an ninh tại khu vực và mời T, K, L làm việc. T, L, K thừa nhận lấy trộm tài sản của Đ như nêu trên và K nộp lại 4.840.000 đồng, H giao nộp 2.000.000 đồng, D giao nộp 50.000 đồng, C giao nộp 50.000 đồng, T giao nộp 4.800.000 đồng, T giao nộp 1.500.000 đồng, L giao nộp lại 01 đồng hồ đeo tay hiệu Longines. Tạm giữ của T 01 xe mô tô biển số 69B1 – 33069. Riêng

đối với điện thoại di động hiệu Oppo F9 K khai sau khi lấy trộm đã đưa cho L cất giữ nhưng L không thừa nhận nên không thu hồi được.

Tại kết luận định giá số 20/KL-HĐĐG ngày 14.03.2019 của Hội đồng thẩm định giá trong tố tụng hình sự cấp thành phố kết luận. Tính vào thời điểm tháng 2 năm 2019:

- 01 bóp da màu nâu, giá trị còn lại 75% x 700.000 đồng = 525.000 đồng.

- 01 điện thoại di động hiệu Oppo F9 màu xanh, giá trị còn lại 80% x 7.990.000 đồng = 6.392.000 đồng.

- 01 đồng hồ đeo tay hiệu Longines, giá trị còn lại 75% x 850.000 đồng = 637.000 đồng.

Tổng cộng: 7.554.500 đồng (*Bảy triệu năm trăm năm mươi bốn ngàn năm trăm đồng*).

Tổng giá trị tài sản bị mất trộm là: 20.854.500 đồng (*Hai mươi triệu tám trăm năm mươi bốn ngàn năm trăm đồng*).

Tại bản kết luận giám định pháp y tâm thần số 154/2019/KLGĐTC ngày 02.8.2019 của Trung Tâm Pháp Y Tâm Thần khu vực Tây Nam Bộ kết luận đối với Nguyễn T K:

- Về y học: trước, trong, sau khi phạm tội và hiện tại: Đang sự có bệnh lý tâm thần: Tâm thần phân liệt thể không biệt định, giai đoạn bệnh thuyên giảm (F20.3 – ICD10).

- Về năng lực: Tại thời điểm phạm tội và hiện tại: Đang sự hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi do bệnh lý tâm thần .

Tại công văn số 154.0/PYTT ngày 02.8.2019, của Trung Tâm Pháp Y Tâm Thần khu vực Tây Nam Bộ bổ sung kết luận giám định đối với Nguyễn T K: Về trách nhiệm hình sự: tại thời điểm phạm tội và hiện tại: Đang sự có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhưng có bệnh lý tâm thần làm hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Tại bản Cáo trạng số: 193/CT-VKS ngày 24 tháng 9 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau truy tố bị cáo Lê M T và Nguyễn T K về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo T, K khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như Cáo trạng đã nêu và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lê M T từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Thời gian thử thách là từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s, q khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn T K từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Thời gian thử thách là từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng.

Người bào chữa cho bị cáo K thống nhất với mức đề nghị của Viện kiểm sát. Đại diện theo pháp luật cho bị cáo K xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Đối với bị hại xin vắng mặt tại phiên tòa và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Trần T L hiện nay đang chấp hành án tại Trại giam C, không trích xuất được. Xét thấy quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã tiến hành lấy lời khai, tài sản trộm đã được thu hồi và các bị cáo đã khắc phục xong hậu quả cho bị hại. Bị hại không có yêu cầu về trách nhiệm dân sự nên việc vắng mặt bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2] Về tội danh: Lời khai nhận tội của bị cáo Lê M T, Nguyễn T K tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại và các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án. Từ đó, có đủ cơ sở để kết luận: Trong khoảng thời gian từ 03 giờ 00 phút đến 04 giờ 15 phút ngày 05.02.2019, Lê M T, Nguyễn T K và Trần T L lợi dụng lúc Nguyễn T Đ bị say rượu ngủ quên phía trước tiệm vàng T thuộc k, p, thành phố C, K lấy trộm của Đ 01 điện thoại di động hiệu Oppo F9 màu xanh, trị giá 6.392.000 đồng; T lấy trộm của Đ 01 cái bóp bên trong có 13.300.000 đồng và các loại giấy tờ cá nhân, T chia cho K 7.000.000 đồng, T giữ 6.300.000 đồng để tiêu xài cá nhân; L lấy trộm của Đ 01 đồng hồ đeo tay hiệu Longines, trị giá 637.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 20.854.500 đồng.

Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau truy tố bị cáo Lê M T, Nguyễn T K về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật, đúng với hành vi phạm tội của các bị cáo.

[3] Về trách nhiệm hình sự và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản thuộc sở hữu của người khác một cách trái pháp luật, ảnh hưởng đến tình hình trật

tự ở địa phương. Các bị cáo nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì bản chất tham lam, lười lao động, xem thường pháp luật, các bị cáo vẫn thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Trong vụ án này, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội độc lập, không có bàn bạc nên cần phải áp dụng một mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi của các bị cáo gây ra.

Xét thấy, các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tài sản gây thiệt hại có giá trị không lớn, các bị cáo đã khắc phục xong hậu quả cho bị hại, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo K là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi. Do đó, bị cáo T được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo K được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, h, i, s, q khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Thấy rằng, bị cáo T và K có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có địa chỉ rõ ràng, không tiền án, tiền sự. Do đó, để thể hiện chính sách khoan hồng của nhà nước nên việc cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian là không cần thiết, cần áp dụng hình phạt cải tạo ngoài xã hội đối với các bị cáo cũng đủ tính răn đe, giúp bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, góp phần đấu tranh phòng chống tội phạm trong tình hình hiện nay.

[4] Đối với Trần T L có 01 tiền án, cụ thể: Ngày 19.01.2009 bị Tòa án nhân dân huyện Đ xử phạt 06 năm tù về tội “*Phá hủy công trình, phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia*”, đã chấp hành xong hình phạt, riêng phần án phí và trách nhiệm dân sự Chi cục thi hành án dân sự Đ và Chi cục thi hành án dân sự thành phố C không thụ lý bản án. Đến ngày 05.02.2019, có hành vi trộm cắp tài sản của anh Đ một đồng hồ đeo tay hiệu Longines, qua định giá có giá trị là 637.000 đồng. Tuy nhiên, tội “*Phá hủy công trình, phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia*” không nằm trong nhóm tội về chiếm đoạt tài sản và hành vi trộm cắp tài sản của Trần T L trong vụ án này chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Cà Mau ra quyết định xử phạt hành chính đối với Trần T L về hành vi trộm cắp tài sản là phù hợp.

Đối với Lê T T khi được Thiện cho tiền, T nói là tiền lì xì và ông T cũng không biết đây là tiền do T phạm tội mà có nên không đề cập xử lý. Đối với Nguyễn Thị C H, Mai T D, Trần H C khi được K cho tiền thì K nói tiền do chơi bầu cua thắng được và những người này không biết tiền do K phạm tội mà có nên không đề cập xử lý là phù hợp.

[5] Về xử lý vật chứng gồm: 01 xe mô tô biển số 69B1 – 33069 là của bị cáo T, T không dùng xe này vào việc phạm tội nên ngày 20.02.2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả cho Lê M T là phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo đã khắc phục xong hậu quả cho bị hại. Bị hại không yêu cầu gì thêm về phần trách nhiệm dân sự nên không đặt ra xem xét.

[7] Bị cáo phạm tội bị xét xử nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Lê M T, Nguyễn T K phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Điều luật áp dụng và trách nhiệm hình sự:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s, q khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn T K 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng được tính kể từ ngày tuyên án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lê M T 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng được tính kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Lê M T, Nguyễn T K cho Ủy ban nhân dân p, thành phố C, tỉnh C để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Hậu quả của việc vi phạm nghĩa vụ trong thời gian thử thách: Trong thời gian thử thách, bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án Buộc bị cáo Lê M T, Nguyễn T K, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm, các bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- VNSND thành phố Cà Mau;
- Công an thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Bị cáo; Bị hại; Người TGT khác;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Kiều Trang